

Bản án số: **108/2025/DS-ST**

Ngày: 16-9-2025

“V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - ĐẮK LẮK

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kiều My.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Tiến Dũng, ông Trương Vĩnh Mai.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Hồng Hà – Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 1 - Đắk Lắk.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Khu vực 1 – Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Tinh – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 9 năm 2025, tại Tòa án nhân dân Khu vực 1 - Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 147/2025/TLST-DS ngày 12 tháng 3 năm 2025 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 70/2025/QĐXXST-DS ngày 08 tháng 8 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q.

Địa chỉ trụ sở: Tầng A và Tầng B, Tòa nhà S - Số A đường P, phường S, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Hàn Ngọc V – Chức vụ: Tổng giám đốc Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Trần Thị Thu H – Chức vụ: Giám đốc Trung tâm Q.

Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: Ông Phan Xuân H1, ông Nguyễn Anh D, ông Từ Thế Anh H2 - Chức vụ: Cán bộ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q (Văn bản ủy quyền số 120740.25 ngày 08/5/2025).

Cùng địa chỉ: Số A N, phường X, thành phố Hồ Chí Minh.

(Ông H1 và ông H2 vắng mặt; ông D có mặt).

- Bị đơn: Ông Phạm Quốc A; sinh năm 1991. Địa chỉ: Số A N, phường B, tỉnh Đắk Lắk (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng của nguyên đơn - ông Nguyễn Anh D trình bày như sau:

Ngân hàng Thương mại cổ phần Q (nguyên đơn) có ký với ông Phạm Quốc A (bị đơn) Hợp đồng tín dụng và Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng, cụ thể như sau:

Hợp đồng tín dụng (cho vay tiêu dùng) số 0048/HDTD-VIB828/17 ngày 05/04/2017 theo đó: Nguyên đơn cho bị đơn vay số tiền 146.000.000 đồng; mục đích vay vốn: tiêu dùng; thời hạn vay: 60 tháng kể từ ngày 05/04/2017 đến ngày 05/04/2022; lãi suất vay: lãi suất tại thời điểm giải ngân 18%/năm; hoàn trả khoản vay gốc và lãi: hàng tháng số tiền là 3.707.440 đồng vào ngày 05 hàng tháng, ngày trả nợ đầu tiên là ngày 05/05/2017. Ngày 05/04/2017, nguyên đơn đã giải ngân cho bị đơn theo đơn đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 0048/KUNN-VIB828/17 ngày 05/04/2017 với số tiền 146.000.000 đồng theo đúng yêu cầu của bị đơn và phù hợp với Hợp đồng tín dụng. Tổng số tiền tạm tính đến ngày 16/9/2025 bị đơn còn nợ nguyên đơn là 390.782.788 đồng; trong đó: nợ gốc số tiền là 126.597.202 đồng, nợ lãi trong hạn số tiền là 26.295.463 đồng, nợ lãi quá hạn số tiền là 220.337.213 đồng, phạt chậm trả lãi số tiền 17.552.910 đồng.

Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng, bao gồm: Đăng ký phát hành thẻ tín dụng quốc tế ngày 08/11/2017; biểu phí dịch vụ thẻ áp dụng cho khách hàng cá nhân và bản chấp thuận về điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng. Theo đó nguyên đơn đồng ý cấp thẻ tín dụng cho bị đơn, chi tiết như sau: số thẻ 5268870000343709; loại thẻ: MC Gold VIB; hạn mức thẻ: 30.000.000 đồng; lãi suất, phí: theo biểu phí, điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ của Ngân hàng từng thời kỳ. Quá trình sử dụng thẻ, tổng số tiền nợ thẻ tín dụng tạm tính đến ngày 16/9/2025 bị đơn còn nợ nguyên đơn là 54.955.514 đồng; trong đó: nợ gốc số tiền là 29.291.671 đồng, nợ lãi trong hạn số tiền là 10.339.623 đồng, số tiền phí là 15.324.220 đồng.

Do bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo các hợp đồng đã ký kết, toàn bộ số tiền dư nợ đã chuyển nợ quá hạn. Mặc dù nguyên đơn đã đôn đốc, nhắc nhở, yêu cầu bị đơn có trách nhiệm thanh toán khoản nợ quá hạn cũng như tạo điều kiện về mặt thời gian để bị đơn trả nợ, tuy nhiên bị đơn vẫn cố tình không thanh toán khoản nợ quá hạn cho nguyên đơn.

Vì vậy, để bảo vệ quyền lợi hợp pháp, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn phải có trách nhiệm trả tổng số tiền còn nợ tạm tính đến ngày 16/9/2025 là 445.738.302 đồng và tiền lãi phát sinh tính từ ngày 17/9/2025 cho đến khi trả hết nợ theo mức lãi suất thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng và hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng đã ký cụ thể như sau: Theo Hợp đồng tín dụng số 0048/HDTD-VIB828/17 ngày 05/04/2017, số tiền nợ gốc là 126.597.202 đồng, số tiền nợ lãi trong hạn là 26.295.463 đồng, số tiền nợ lãi quá hạn là 220.337.213 đồng, số tiền phạt chậm trả lãi là 17.552.910 đồng; Theo Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng

ngày 08/11/2017 số thẻ 5268870000343709, số tiền nợ gốc là 29.291.671 đồng, số tiền nợ lãi trong hạn là 10.339.623 đồng, số tiền phí là 15.324.220 đồng.

Bị đơn ông Phạm Quốc A đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không tham gia tố tụng.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Khu vực 1 – Đắc Lắc phát biểu quan điểm tại phiên tòa:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến trước khi xét xử Thẩm phán đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử (HĐXX), Thư ký phiên tòa đã tuân thủ theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án. Quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn đã chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn chưa chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung, đề nghị HĐXX:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 91, 95 của Luật Các tổ chức tín dụng; Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn tổng số tiền còn nợ tạm tính đến ngày 16/9/2025 là 445.738.302 đồng và tiền lãi phát sinh từ ngày 17/9/2025 cho đến khi trả hết nợ theo mức lãi suất thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng và hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng đã ký.

- Về chi phí tố tụng và án phí: Đương sự phải chịu theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền và quan hệ tranh chấp:

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn phải trả số tiền vay theo hợp đồng tín dụng và hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng, nên HĐXX xác định quan hệ tranh chấp là “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”; bị đơn trú tại số A N, phường B, tỉnh Đắc Lắc; theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 1 - Đắc Lắc.

[2] Về trình tự thủ tục:

Tại phiên tòa bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, HĐXX căn cứ vào Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] Về nội dung tranh chấp:

Nguyên đơn và bị đơn có ký các Hợp đồng tín dụng cụ thể như sau: Hợp đồng tín dụng (cho vay tiêu dùng) số 0048/HDTD-VIB828/17 ngày 05/04/2017, nguyên đơn cho bị đơn vay số tiền 146.000.000 đồng; Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng, số thẻ 5268870000343709, hạn mức thẻ 30.000.000 đồng. Nguyên đơn đã giải ngân cho bị đơn theo Đơn đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 0048/KUNN-VIB828/17 ngày 05/04/2017 với số tiền 146.000.000 đồng. Đối với thẻ tín dụng, bị đơn đã thực hiện nhiều lần các giao dịch nhưng không thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo quy định. Vì vậy, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn phải trả tổng số tiền còn nợ tạm tính đến ngày 16/9/2025 là 445.738.302 đồng và tiền lãi phát sinh từ ngày 17/9/2025 cho đến khi trả hết nợ theo mức lãi suất thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng và hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng đã ký, cụ thể như sau: Theo Hợp đồng tín dụng số 0048/HDTD-VIB828/17 ngày 05/04/2017, số tiền nợ gốc là 126.597.202 đồng, số tiền nợ lãi trong hạn là 26.295.463 đồng, số tiền nợ lãi quá hạn là 220.337.213 đồng, số tiền phạt chậm trả lãi là 17.552.910 đồng; Theo Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ngày 08/11/2017 số thẻ 5268870000343709, số tiền nợ gốc là 29.291.671 đồng, số tiền nợ lãi trong hạn là 10.339.623 đồng, số tiền phí là 15.324.220 đồng.

HĐXX xét thấy: Hợp đồng tín dụng (cho vay tiêu dùng) số 0048/HDTD-VIB828/17 ngày 05/04/2017 và Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng, số thẻ 5268870000343709, ngày 08/11/2017, được ký kết giữa nguyên đơn và bị đơn là tự nguyện và phù hợp quy định pháp luật, theo đó các bên đã thống nhất số tiền vay, mục đích vay, thời hạn trả nợ, lãi suất, biểu phí. Nguyên đơn đã giải ngân theo hợp đồng tín dụng và hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng, đúng yêu cầu của bị đơn và phù hợp với hợp đồng đã ký. Trong quá trình vay và sử dụng thẻ, bị đơn đã không thực hiện đúng các nội dung đã thỏa thuận trong hợp đồng, cụ thể là không trả nợ gốc, lãi, phí đúng hạn. Khoản nợ vay hiện còn của bị đơn đã chuyển nợ quá hạn.

Nguyên đơn cung cấp tài liệu, chứng cứ bao gồm: Hợp đồng tín dụng (cho vay tiêu dùng) số 0048/HDTD-VIB828/17 ngày 05/04/2017; Đơn đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 0048/KUNN-VIB828/17 ngày 05/04/2017; Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng, bao gồm: Đăng ký phát hành thẻ tín dụng quốc tế ngày 08/11/2017; biểu phí dịch vụ thẻ áp dụng cho khách hàng cá nhân và bản chấp thuận về điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng Ngân hàng Thương mại cổ phần Q; Sao kê chi tiết giao dịch của thẻ tín dụng số thẻ 5268870000343709, chủ thẻ là bị đơn.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn vắng mặt không tham gia tố tụng. Nguyên đơn yêu cầu thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng cho bị đơn. Tòa án đã thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng theo thông báo số

08/TB-TA và số 09/TB-TA ngày 09/7/2025, tuy nhiên bị đơn vẫn không đến Tòa án để tham gia tố tụng.

Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về số tiền nợ gốc, lãi, phí là có căn cứ và cần chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn tổng số tiền còn nợ tạm tính đến ngày 16/9/2025 là 445.738.302 đồng và tiền lãi phát sinh từ ngày 17/9/2025 cho đến khi trả hết nợ theo mức lãi suất thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng và hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng đã ký cụ thể như sau: Theo Hợp đồng tín dụng số 0048/HDTD-VIB828/17 ngày 05/04/2017, số tiền nợ gốc là 126.597.202 đồng, số tiền nợ lãi trong hạn là 26.295.463 đồng, số tiền nợ lãi quá hạn là 220.337.213 đồng, số tiền phạt chậm trả lãi là 17.552.910 đồng; Theo Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ngày 08/11/2017 số thẻ 5268870000343709, số tiền nợ gốc là 29.291.671 đồng, số tiền nợ lãi trong hạn là 10.339.623 đồng, số tiền phí là 15.324.220 đồng.

[4] Về chi phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng: Căn cứ Điều 180 của Bộ luật Tố tụng dân sự, nguyên đơn có yêu cầu thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng cho bị đơn nên nguyên đơn phải chịu tiền chi phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng số tiền 2.425.000 đồng. Nguyên đơn đã đóng số tiền 2.425.000 đồng tạm ứng chi phí nên được khấu trừ toàn bộ số tiền này.

[5] Về án phí: Căn cứ Điều 144, 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm đối với số tiền phải trả cho nguyên đơn, cụ thể:

Số tiền 20.000.000 đồng + 4% của phần giá trị tài sản có tranh chấp vượt quá 400.000.000 đồng (45.738.302 đồng) = 21.829.532 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, 147, 180, 227, 228, 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 91, 95 của Luật Các tổ chức tín dụng;

Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q.

Buộc ông Phạm Quốc A phải trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q tổng số tiền còn nợ tính đến ngày 16/9/2025 là 445.738.302 đồng (*Bốn trăm bốn mươi lăm triệu bảy trăm ba mươi tám nghìn ba trăm lẻ hai đồng*). Trong đó: nợ gốc số tiền là 155.888.873 đồng (*Một trăm năm mươi lăm triệu tám trăm tám mươi tám nghìn tám trăm bảy mươi ba đồng*), nợ lãi trong hạn số tiền là: 36.635.086 đồng (*Ba mươi sáu triệu sáu trăm ba mươi lăm nghìn không trăm tám mươi sáu đồng*), nợ lãi quá hạn số tiền là 220.337.213 đồng (*Hai trăm hai mươi triệu ba trăm ba mươi bảy nghìn hai trăm mười ba đồng*), phạt chậm trả lãi số tiền là 17.552.910 đồng (*Mười bảy triệu năm trăm năm mươi hai nghìn chín trăm mười đồng*), phí số tiền là 15.324.220 đồng (*Mười lăm triệu ba trăm hai mươi bốn nghìn hai trăm hai mươi đồng*).

Kể từ ngày 17/9/2025, ông Phạm Quốc A còn phải tiếp tục trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q khoản tiền lãi của số tiền chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng (cho vay tiêu dùng) số 0048/HDTD-VIB828/17 ngày 05/04/2017; Đơn đề nghị giải ngân kèm khế ước nhận nợ số 0048/KUNN-VIB828/17 ngày 05/04/2017; Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng, bao gồm Đăng ký phát hành thẻ tín dụng quốc tế ngày 08/11/2017, biểu phí dịch vụ thẻ áp dụng cho khách hàng cá nhân và bản chấp thuận về điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng Ngân hàng Thương mại cổ phần Q.

2. Về chi phí chi phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng:

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q phải chịu 2.425.000 đồng (*Hai triệu bốn trăm hai mươi lăm nghìn đồng*) tiền chi phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng. Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q đã đóng số tiền 2.425.000 đồng tạm ứng chi phí tố tụng nên được khấu trừ toàn bộ số tiền này.

3. Về án phí: Ông Phạm Quốc A phải chịu số tiền 21.829.532 đồng (*Hai mươi một triệu tám trăm hai mươi chín nghìn năm trăm ba mươi hai đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q số tiền tạm ứng án phí 9.347.594 đồng (*Chín triệu ba trăm bốn mươi bảy nghìn năm trăm chín mươi bốn đồng*) đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự Quận 8, thành phố Hồ Chí Minh (nay là Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 10 - thành phố Hồ Chí Minh) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2023/0036760 ngày 11/3/2024.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND Khu vực 1–Đắk Lắk;
- THADS thành phố Hồ Chí Minh;
- P.THADS Khu vực 10 – TP . HCM;
- Đương sự;
- Lưu Hồ Sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Kiều My